**CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

**BÀI 1 LIÊN HỢP QUỐC**

**PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

Câu 1. Tổ chức quốc tế được xem như tiền thân của Liên hợp quốc là

A. Hội Quốc liên.

B. Đại hội đồng.

C. khối Đồng minh.

D. khối Hiệp ước.

Câu 2. Đầu năm 1945, đâu là vấn đề cấp bách đặt ra cho các nước Đồng minh chống phát xít?

A. Phân chia lại thuộc địa của các nước.

B. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

C. Thiết lập trật tự thế giới mới hai cực.

D. Phục hồi và phát triển kinh tế thế giới.

Câu 3. Đâu là một trong những vai trò mục tiêu của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Cân bằng quyền lực các nước.

B. Xoá bỏ chế độ thực dân kiểu cũ.

C. Duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

D. Thực hiện quyền tự do hàng hải.

Câu 4. Ngày 1/1/1942, đại diện của 26 nước đã ký văn kiện nào sau đây?

A. Tuyên bố về Liên hợp quốc.

B. Thành lập khối Liên minh.

C. Xóa bỏ hệ thống thuộc địa.

D. Chấm dứt chiến tranh lạnh

Câu 5. Năm 1945, bản Hiến chương Liên hợp quốc được thông qua tại

A. hội nghị Tam cường I-an-ta.

B. hội nghị Xan Phran-xi-xcô.

C. hội nghị Bàn Môn Điếm.

D. hội nghị Véc xai - Oasington.

Câu 6. Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc được quy định bởi văn kiện quan trọng nào?

A. Hiến chương .B. Hiến pháp. C. Tuyên ngôn. D. Hiệp định.

Câu 7. Cơ quan nào của Liên hợp quốc chịu trách nhiệm chính trong việc duy trì hoà bình và an ninh thế giới?

A. Đại hội đồng. B. Ban thư ký. C. Hội đồng bảo an. D. Tòa án quốc tế.

Câu 9. Một trong những cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc là

A. toà án quốc tế. B. Tổng thư ký. C. ban thư ký. D. đại hội đồng.

Câu 10. Đâu là một trong những nội dung của mục tiêu, hành động mang tính toàn cầu đến năm 2030 của Liên hợp quốc?

A. Chống nạn thất nghiệp.

B. Quyền tự do chính trị.

C. Chống bạo lực gia đình.

D. Chất lượng giáo dục.

Câu 11. Hiện nay, một trong những cuộc xung đột trên thế giới mà Liên hợp quốc vẫn chưa giải quyết được là ở

A. En Xan-va-do. B. Goa-tê-ma-la C. Trung Đông. D. Mô-dăm-bích.

Câu 12. Cơ quan nào của Liên hợp quốc là tập hợp đại diện của tất cả các nước thành viên?

A. Đại hội đồng. B. Ban thư ký. C. Hội đồng bảo an. D. Toà án quốc tế.

Câu 13. Một trong những quốc gia Ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc là

A. Nhật. B. Đức. C. Anh. D. Bi.

Câu 14. Quốc gia nào sau đây từng có công dân là Tổng thư ký Liên hợp quốc?

A. Hàn Quốc. B. Trung Quốc. C. Việt Nam. D. Nhật Bản.

Câu 15. Tổng thư ký là người đứng đầu cơ quan nào của Liên hợp quốc?

A. Ban thư ký. B. Đại hội đồng. C. Hội đồng Bảo an. D. Tòa án quốc tế.

Câu 16. Việt Nam có thể vận dụng nguyên tắc hoạt động nào của Liên hợp quốc để

giải quyết vấn đề ở Biển Đông?

A. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình.

B. Sự nhất trí của các nước thường trực Hội đồng bảo an.

C. quyền bình đẳng giữa các thành viên Liên hợp quốc.

D. không đe doạ dùng vũ lực tấn công các quốc gia khác.

Câu 17. Đâu là ý nghĩa của việc Việt Nam được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong các năm 2008 và 20197

A. Nền kinh tế Việt Nam có sự phát triển vượt bậc.

B. Tình hình an ninh - chính trị tương đối ổn định.

C. Việt Nam đã xoá bỏ được tình trạng tham nhũng.

D. Vị thế, uy tin được nâng cao trên trường quốc tế.

Câu 18. Mối quan hệ hợp tác của Liên hợp quốc với Việt Nam hiện nay là

A. hợp tác theo hướng ngày càng sâu rộng và hiệu quả.

B. giúp đỡ giải quyết hậu quả nặng nề của chiến tranh.

C. viện trợ không hoàn lại để phát triển kinh tế, văn hóa.

D. thúc đẩy cải cách thực hiện các quyền tự do dân chủ.

Câu 19. Hội nghị I-an-ta (2-1945) đã thông qua quyết định nào?

A. Phân chia nước Đức thành bốn khu vực chiếm đóng của Đồng minh.

B. Phân công quân đội Đồng minh giải giáp quân Nhật ở Đông Dương.

C. Thành lập tổ chức Hội quốc liên để duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

D. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu, Á giữa các nước Đồng minh.

Câu 20. Quyết định nào của hội nghị I-an-ta (2-1945) đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

A. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.

B. Anh, Mỹ mở đường cho Pháp chiếm lại Đông Dương.

C. Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của phương Tây.

D. Quân đội Trung Hoa Dân quốc giải giáp phát xít Nhật.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI**

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình thế giới có những chuyển biến quan trọng. Sức mạnh và ưu thế trên chiến trường thuộc về phe đồng minh chống phát xít. Việc tổ chức lại thế giới sau chiến tranh ngày càng trở nên cấp bách. Chiến tranh diễn ra cảng khốc liệt thì ý tưởng về một tổ chức quốc tế thực sự có vai trò trong việc duy trì hòa bình thế giới càng rõ nét."

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 7)

a. Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra từ 1939 đến 1945 giữa phe liên minh và phát xít.

 b. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, thắng lợi thuộc về phe đồng minh chống phát xít.

c. Để tổ chức lại thế giới sau chiến tranh, Liên Xô, Mỹ, Anh đã triệu tập hội nghị 1-an-ta

d. Tổ chức quốc tế được thành lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai gọi là Hội quốc liên..

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Ngày 1-1-1942, đại diện 26 nước chống phát xít đã ký bản tuyên bố về Liên hợp quốc, cam kết thành lập một tổ chức quốc tế vì hoà bình và an ninh sau chiến tranh....

Tại hội nghị Tê-hê-ran (Iran, từ 28-11 đến 1-12-1943), ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc. Tại hội nghị 1-an-ta (Liên Xô, tháng 2- 1945), ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh đã ra quyết định về việc thành lập Liên hợp quốc và đồng ý triệu tập hội nghị để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

Từ ngày 25-4-1945 đến ngày 26-6-1945, một hội nghị quốc tế được tổ chức tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) với sự tham gia của đại biểu 50 nước đã thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc."

*(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 7)*

a. Liên hợp quốc được thành lập nhằm liên minh các lực lượng để chống phát xít.

b. Mục tiêu chỉnh của Liên hợp quốc là nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

c. Tại hội nghị Xan Phran-xi-xcô, Hiến chương Liên Hợp quốc chính thức có hiệu lực.

d. Liên hợp quốc ban đầu có 26 thành viên, năm 1945 là 50, năm 2020 là hơn 200.

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Theo Hiến chương, Liên hợp quốc được thành lập nhằm bắn mục tiêu: 1. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế: 2. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và cũng cổ hoà bình thế giới: 3. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa, nhân đạo, đảm bảo quyền con người và quyền tự do cơ bản cho mọi người không phân biệt chủng tộc, giới tính, tôn giáo, ngôn ngữ, 4. Liên hợp quốc đóng vai trò là trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế vì những mục tiêu trên".

*(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 8)*

a. Hiến chương là văn kiện chính trị quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc.

b. Hiến chương đã xác định Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế lớn nhất hành tỉnh.

c. Cơ sở các mối quan hệ quốc tế ở Hiến chương là bình đãng, tự quyết, hòa bình.

d. Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc là những nước đã chỉ phối Hiến chương.

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

Tư liệu 1: “Trong số các mục tiêu của Liên hợp quốc, mục tiêu duy trì hòa bình và an ninh thế giới được chú trọng và là cơ sở đề thực hiện các mục tiêu khác. Để đảm bảo Liên hợp quốc là một tổ chức quốc tế thực sự phục vụ mục tiêu chung của cộng đồng quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc quy định rõ các nguyên tắc hoạt động của tổ chức này".

Tư liệu 2: “Các nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc bao gồm: Bình đẳng về chủ quyền quốc gia; Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia; Tử bỏ đe dọa vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế: Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước, Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế, Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình".

*(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 8,9)*

a. “Duy trì hòa bình và an ninh thế giới" là mục tiêu cơ bản nhất của Liên hợp quốc.

b. Để duy trì hòa bình và an ninh thế giới, chỉ cần sự nhất trí cao giữa 5 cường quốc.

c. Việt Nam chủ trương giải quyết tranh chấp ở biển Đông theo nguyên tắc của LHQ.

d. Nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc chưa bị vi phạm bởi bất kỳ quốc gia nào.

**BÀI 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH**

**PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

Câu 1. Sự kiện nào được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô của Mỹ, gây nên cuộc Chiến tranh lạnh?

A. Thông điệp Tổng thống Tơ-ru-man (3/1947).

B. Sự ra đời của kế hoạch Mác-san (6/1947).

C. Hội đồng tương trợ kinh tế ra đời (1/1949).

D. Thành lập Tổ chức quân sự NATO (4/1949).

Câu 2. Hội nghị 1-an-ta (2/1945) được tiến hành trong giai đoạn nào của Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Vừa mới kết thúc.

B. Bùng nổ và lan rộng.

C. Giai đoạn sắp kết thúc.

D. Đang diễn ra ác liệt.

Câu 3. Mục tiêu chung được các cường quốc thỏa thuận trong hội nghị 1-an-ta (2/1945) là

A. chấm dứt tình trạng nội chiến ở Trung Quốc, Áo và Phần Lan.

B. thủ tiêu chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

C. xây dựng nước Đức trở thành quốc gia thống nhất và dân chủ.

D. tiêu diệt tận gốc phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

Câu 4. Để tiêu diệt chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản và nhanh chóng kết thúc chiến tranh, hội nghị l-an-ta đã quyết định

A. Anh, Pháp, Mỹ sẽ tham gia chiến tranh chống Nhật ở châu Âu.

B. Anh và Liên Xô tiêu diệt lực lượng quân Nhật tại Trung Quốc.

C. Liên Xô sẽ đánh Nhật ở Châu Á sau khi đánh bại phát xít Đức.

D. Liên Xô không đưa quân đội tham gia chống Nhật tại Châu Á.

Câu 5. Những quốc gia nào sau đây tham dự hội nghị l-an-ta (2/1945)?

A. Liên Xô, Mỹ, Pháp.

B. Liên Xô, Mỹ, Anh.

C. Trung Quốc, Mỹ, Anh.

D. Liên Xô, Anh, Pháp.

Câu 6. Liên Xô và Mỹ đẩy mạnh đối thoại hợp tác từ:

A. nửa sau những năm 80.

B. nửa sau những năm 90.

C. nửa đầu những năm 90.

D. nửa đầu những năm 80.

Câu 7. Năm 1989, tại đảo Man-ta, Mỹ và Liên Xô đã có hành động nào sau đây?

A. Tuyên bố chung về vũ khí chiến lược.

B. Kỳ nhiều hiệp định thương mại tự do.

C. Tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

D. Cam kết hòa bình giữa Mỹ và Liên Xô.

Câu 8. Sự kiện nào sau đây đánh dấu trật tự hai cực 1-an-ta chấm dứt?

A. Liên Xô chính thức tan rã (12/1991).

B. Chiến tranh lạnh kết thúc (1989).

C. Bức tường Béc-lin sụp đổ (1989).

D. Khủng hoảng năng lượng (1973).

Câu 9. Nội dung tranh cãi gay gắt quyết liệt nhất trong hội nghị I-an-ta (2/1945) là

A. quốc gia nào sẽ tham chống Nhật ở châu Á.

B. phân chia phạm vi ảnh hưởng sau chiến tranh.

C. ranh giới phân chia để chiếm đóng Triều Tiên.

D. số phận của các nước phát xít sau chiến tranh.

Câu 10. Xu thế hoà hoãn Đông-Tây xuất hiện có tác động như thế nào đến trật tự hai cực I-an-ta?

A. Đã xuất hiện xu thế đa cực.

B. Các mâu thuẫn càng sâu sắc.

C. Làm suy yếu trật tự hai cực.

D. Đã củng cố trật tự hai cực.

Câu 11. Một trong những biểu hiện của xu thế hoà hoãn Đông - Tây là

A. các cuộc gặp gỡ cấp cao Xô - Mỹ.

B. khủng hoảng năng lượng, dầu mỏ.

C. Cách mạng Trung Quốc thắng lợi.

D. sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản.

Câu 12. Một trong những mục đích của Mỹ khi thành lập khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) năm 1949 là

A. chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.

B. muốn bán vũ khí cho các nước đồng minh.

C. chuẩn bị phát động chiến tranh chống Đức.

D. tấn công tiêu diệt các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 13. Sự kiện đánh dấu Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới là

A. thắng lợi của cách mạng Cuba (1959).

B. Liên Xô đã thành lập khối SEV (1949).

C. thông điệp của Tổng thống Mỹ (1947).

D. sự ra đời của NATO và Vác-sa-va (1955).

Câu 14. Vì sao từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945), Mỹ và Liên Xô đối đầu gay gắt?

A. Khác nhau về mục tiêu và đường lối chiến lược.

B. Do những mâu thuẫn trong hội nghị I-an-ta (1945).

C. Mâu thuẫn gay gắt về vấn đề thị trường, thuộc địa.

D. Sự cạnh tranh gay gắt về ngành công nghiệp vũ trụ.

Câu 15. Cuộc chiến tranh cục bộ nào sau đây thể hiện rõ nét nhất mâu thuẫn hai cực, hai phe trong Chiến tranh lạnh (1945-1991)2

A. Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953).

B. Chiến tranh sáu ngày (1967).

C. Chiến tranh Việt Nam (1945-1975).

D. Chiến tranh Trung - An (1962)

Câu 16. Mục đích chủ yếu của Mỹ khi triển khai chiến lược toàn cầu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến kết thúc Chiến tranh lạnh là

A. bá chủ, lãnh đạo thế giới.

B. tiêu diệt các nước Tây Âu.

C. khống chế Đức, Ý, Nhật.

D. bảo vệ các nước đồng mình.

Câu 17. Trong Chiến tranh lạnh (1947-1989), vì sao Mỹ và Liên Xô tránh xung đột trực tiếp về quân sự?

A. Cả Mỹ và Liên Xô đều không đủ lực lượng chiến đấu.

B. Ngăn ngừa nguy cơ nổ ra cuộc chiến tranh thế giới mới.

C. Liên Xô đã khủng hoảng kinh tế, chính trị trầm trọng.

D. Sự phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ và Liên Xô.

Câu 18. Đâu là một trong những nguyên nhân Mỹ và Liên Xô quyết định chấm dứt cuộc Chiến tranh lạnh (1947-1989)?

A. Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản, Tây Âu.

B. Các nước Cộng hoà trong liên bang đòi ly khai.

C. Nước Mỹ khủng hoảng kinh tế, chính trị sâu sắc.

D. Nhân dân hai nước đều phản đối Chiến tranh lạnh.

Câu 19. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới cục diện hai cực, hai phe sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Liên Xô và Mỹ.

B. Mâu thuẫn về vấn đề thị trường và thuộc địa của các nước tư bản chủ nghĩa

C. Trật tự thế giới có quá nhiều mâu thuẫn của các nước bại trận và thắng trận.

D. Ý muốn tiêu diệt Liên Xô của giới tư bản ở Mỹ để độc chiếm nguồn dầu mỏ.

Câu 20. Sự ra đời của khối NATO (1949) và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (1955) dẫn đến hệ quả gì trong quan hệ quốc tế?

A. Đã đánh dấu sự phát triển vượt bậc của hai nước. B. Chấm dứt mối quan hệ đồng mình giữa Xô - Mỹ.

C. Hàng loạt các tổ chức quân sự trên thế giới ra đời. D. Đánh đầu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe.

**PHẦN II. CẦU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI**

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Hội nghị đưa ra những quyết định về việc kết thúc chiến tranh, tiêu diệt tận gốc phát xít Đức, quân phiệt Nhật Bản và thỏa thuận về việc đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á sau chiến tranh. Ở châu Âu, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu, quân đội Mỹ. Anh và Pháp chiếm đóng miền Tây nước Đức, Tây Béc-lin và các nước Tây Âu. Vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô, vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ... Ở châu Á, hội nghị chấp nhận những điều kiện để Liên Xô tham chiến tiêu diệt quân phiệt Nhật Bản... Các vùng còn lại ở châu Á (Đông Nam Á, Nam Á. Tây Á) vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây"

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 14)

a. Những quyết định đề cập ở đoạn tư liệu trên là của hội nghị Véc xai - Oa sinh tơn.

b. Những quyết định ở hội nghị trên góp phần tạo khuôn khổ cho trật tự thế giới mới.

c. Ở nước Đức, thỏa thuận đông quân đã gây ra tình trạng chia cắt hai miền kéo dài.

d. Ở châu Á, Liên Xô và Mỹ không có vùng ảnh hưởng, khu vực này của phương Tây.

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta tồn tại từ năm 1945 đến năm 1991, trải qua hai giai đoạn: Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, giai đoạn xác lập và phát triển của Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta với sự đối đầu giữa một bên là Mỹ đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa và một bên là Liên Xô, đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn này, Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta được định hình với sự thiết lập các khối quân sự đối đầu nhau, tiêu biểu là: Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mỹ và các nước phương Tây thành lập năm 1949, Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va do Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập năm 1955. Hai cực chi phối hầu hết các lĩnh vực phát triển của thế giới".

(Sách giáo khoa lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 15)

a. Trật tự 1-an-ta được xác lập hoàn toàn với sự ra đời của các khối quân sự đối lập.

b. Trật tự 1-an-ta hình thành và tồn tại với sự xuất hiện của hai hệ thống xã hội đối lập.

c. Trật tự hai cực chỉ có ảnh hưởng đến các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

d. Năm 1991, trật tự l-an-ta sụp đổ với sự tan rã của hai phe tư bản và xã hội chủ nghĩa.

**BÀI 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

**Câu 1**. Xu thế chủ đạo trong quan hệ giữa các cường quốc sau Chiến tranh lạnh là

A. đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp.

B. tôn trọng vai trò, nhiệm vụ của Liên hợp quốc.

C. hợp tác, không cạnh tranh, không mâu thuẫn.

D. hòa bình, không xung đột, tiến hành hợp tác

Câu 2. Nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế hiện nay là về lĩnh vực

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. an ninh. | B. kinh tế. | C. văn hóa. | D. chính trị. |

Câu 3. “Lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm" được xem là nội dung chiến lược chủ yếu của các nước trong thời kỳ

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.B. sau khi cuộc Chiến tranh lạnh kết thúc. | C. chủ nghĩa xã hội thành hệ thống thế giới. D. ngay sau khi Chiến tranh lạnh bắt đầu. |

Câu 4. Xu thế Toàn cầu hóa là hệ quả của

|  |  |
| --- | --- |
| A. cuộc cách mạng khoa học công nghệ.B. chiến tranh lạnh, trật tự hai cực l-an-ta. | C. cách mạng công nghiệp thế kỷ XVII.D. cuộc khủng hoảng năng lượng (1973). |

Câu 5. Một trong những biểu hiện của xu thế Toàn cầu hóa là

|  |  |
| --- | --- |
| A. sự gia tăng của thương mại thế giới.B. mâu thuẫn giữa hai siêu cường Xô, Mỹ. | C. xu thế hoà hoãn Đông, Tây thế kỷ XX.D. thế giới đã chia thành hai cực, hai phe. |

Câu 6. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1989) một trong những khu vực trên thế giới vẫn diễn ra xung đột vũ trang là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Trung Đông. | B. Đông Bắc Á. | C. Địa Trung Hải. | D. Châu Nam Cực. |

Câu 7. Một trong những biểu tượng cho sự kết thúc Chiến tranh lạnh là

|  |  |
| --- | --- |
| A. Liên Xô chính thức sụp đổ (1991).B. bức tường Béc-lin sụp đổ (11/1989). | C. chiến tranh Việt Nam kết thúc (1975).D. vấn đề Nam Xu-đăng được giải quyết. |

Câu 8. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia (từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX) là biểu hiện của.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A.** xu thế khu vực hóa. | B. cách mạng khoa học. |  | C. trật thế giới "Đa cực". | D. xu thế Toàn cầu hóa. |

Câu 9. Nội dung nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế Toàn cầu hóa?

A. Phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

B. Phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

C. Hình thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

D. Sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

Câu 10. Tổ chức nào sau đây là tổ chức liên kết kinh tế thương mại lớn nhất thế giới?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. WTO | B. APEC | C. ASEM | D. NAFTA. |

Câu 11. Từ sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm vì

A. hóa bình và an ninh thế giới được bảo vệ ở mức cao nhất.

B. kinh tế trở thành nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế.

C. giữa các cường quốc đã chấm dứt việc chạy đua vũ trang.

D. sức mạnh quốc gia không dựa trên lực lượng quốc phòng.

Câu 12. Biểu hiện nào của xu thế Toàn cầu hóa làm cho nền kinh tế của các nước trên thế giới có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau?

A. Sự phát triển và những tác động của các công ty xuyên quốc gia.

B. Sự sát nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

C. Các tổ chức liên kết kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực ra đời.

D. Sự phát triển nhanh chóng của mỗi quan hệ thương mại quốc tế

Câu 13. Khẳng định Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, một thực tế không thể đảo ngược, vì

A. đô là hệ quả tất yếu của xu thế hòa hoãn Đông - Tây.

 B. nó phản ánh quy luật cạnh tranh của thị trường quốc tế.

C. là kết quả của việc thống nhất thị trường giữa các nước.

D. hệ quả tất yếu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ,

Câu 14. Các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực có vai trò

A. là cầu nối giữa các quốc gia, đã thúc đẩy kinh tế phát triển.

B. giải quyết các vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

C. hỗ trợ, giúp đỡ kinh tế, tài chính để các nước nghèo phát triển.

D. thúc đẩy nền kinh tế khu vực và thế giới phát triển vững chắc.

Câu 15. Một trong những mặt tiêu cực của xu thế Toàn cầu hóa là

A. tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc.

B. hạn chế sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế.

C. kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

D. hạn chế sự tăng trưởng nhanh về mặt kinh tế.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI**

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

**Tư liệu 1:** "Sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược phát triển tập trung vào kinh tế, nhâm tăng cường sức mạnh, tiềm lực quốc gia, đồng thời nâng cao mức sống cho người dân".

**Tư liệu 2:** "Sự kết thúc của Trật tự hai cực 1-an-ta và Chiến tranh lạnh, cùng với sự phát triển của cách mạng khoa học, công nghệ đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình Toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa là sự gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các dân tộc, quốc gia, khu vực trên phạm vi toàn cầu."

|  |  |
| --- | --- |
|  | (Sách giáo khoa Lịch sử 12,KNTT, trang 18,19)  |

a. Sau Chiến tranh lạnh, các quốc gia điều chỉnh chiến lược, lấy kinh tế làm trọng tâm.

b. Xu thế Toàn cầu hóa là hệ quả quan trọng của trật tự đa cực trong quan hệ quốc tế.

c. Với xu thế Toàn cầu hóa, các mối quan hệ quốc tế mọi mặt đều được quốc tế hóa cao,

d. Sau Chiến tranh lạnh, cách mạng khoa học công nghệ hình thành và phát triển mạnh

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Đa cực là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó không một quốc gia nào có quyền lực áp đảo đối với các quốc gia khác, cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.

Sự hình thành của trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc, sự gia tăng vai trò của các trung tâm, các tổ chức quốc tế, phản ảnh tương quan so sánh lực lượng mới trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh".

|  |  |
| --- | --- |
|  | (Sách giáo khoa lịch sử 12, KNTT , trang 19) |

a. Đa cực là trật tự quốc tế được hình thành ở giai đoạn sau Chiến tranh lạnh.

b. Trong trật tự đa cực, các cường quốc giữ vai trò chi phối sự phát triển thế giới.

c. Các tổ chức quốc tế và khu vực ngày càng có vai trò quan trọng trong xu thế này,

d. Trật tự đa cực hình thành là do ý muốn chủ quan của các cường quốc như Mỹ.

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây.**

**Tư liệu 1:** Sự hình thành của trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc, sự gia tăng vai trò của các trung tâm, tổ chức quốc tế, phản ánh tượng quân so sánh lực lượng mới trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh".

**Tư liệu 2:** “Nhận định về tình hình thế giới, Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu tốc "Quá trình Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh... Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn".

|  |  |
| --- | --- |
|  | (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 19)  |

a. Tư liệu 1 để cập đền xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

b. Sau Chiến tranh lạnh, xu thế Toàn cầu hóa xuất hiện và chi phối thế giới.

c. Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam nhằm bắt kịp xu thế phát triển thế giới.

d. Sau Chiến tranh lạnh, xu thế đa cực xuất hiện thay thế xu thế đơn cực,

**CHỦ ĐỀ 2 : ASEAN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ**

**BÀI 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)**

**TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

Câu 1. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong hoàn cảnh nào sau đây

A. Thế giới và khu vực đang có những chuyển biến quan trọng.

B. Tất cả các nước khu vực Đông Nam Á đều giành được độc lập.

C. Chiến tranh lạnh kết thúc, các dân tộc đang hòa hợp, hòa giải.

D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây trở thành chủ đạo trên thế giới.

Câu 2. Một trong những xu thế xuất hiện từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945) là

A. Chống khủng bố. B. Liên kết khu vực. C. Thực dân hóa. D. Toàn cầu hóa.

Câu 3. Ngày 8 - 8 - 1967, tại Băng - Cốc (Thái Lan) đã diễn ra sự kiện nào?

A. Tuyên bố thành lập tổ chức ASEAN.

B. Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết.

C. Lễ kết nạp Việt Nam làm thành viên.

D. Hiệp ước Ba-li đã được thông qua.

Câu 4. Một trong những mục đích thành lập của tổ chức ASEAN là

A. đưa Đông Nam Á trở thành số 1 thế giới.

B. xây dựng khối tư bản chủ nghĩa phát triển.

C. thúc đẩy hòa bình - ổn định của khu vực.

D. thúc đẩy sự hợp tác toàn diện, thống nhất.

Câu 5. Văn kiện nào đã nêu rõ mục đích thành lập của tổ chức ASEAN?

A. Tuyên bố ASEAN. B. Hiệp định Giơ-ne-vơ. C. Hiệp định Paris. D. Tuyên bố Lahay.

Câu 6. Quốc gia nào là thành viên thứ 10 của ASEAN?

A. Việt Nam. B. Thái Lan. C. Mi-an-ma. D. Cam-pu-chia.

Câu 7. Trong quá trình phát triển của ASEAN, giai đoạn từ 1967 - 1976 có đặc điểm là gì?

A. Phát triển rất

B. Xây dựng nền móng.thần kỳ.

C. Tránh đổi đầu quân sự.

D. Nền kinh tế xuất khẩu.

Câu 8. Từ khi thành lập đến năm 1976, ASEAN là tổ chức

A. hùng mạnh. B. phát triển. C. chặt chẽ. D. non yếu.

Câu 9. Sự kiện nào sau đây đã đưa ASEAN từ tổ chức non yếu trở nên hoàn thiện, vị thể được nâng cao trên thế giới?

A. Hiệp ước Bali được ký kết.

B. Thông qua tuyên bố ASEAN

C. Thông cáo Thượng Hải.

D. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 10. Mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN từ năm 1979 đến 1989 là

A. đồng minh. B. hợp tác. C. căng thẳng. D. hòa bình.

Câu 11. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), Đông Nam Á là thuộc địa của

A. Nhật. B. Anh. C. Pháp. D. Mỹ.

Câu 12. Một trong những quốc gia tham gia sáng lập tổ chức ASEAN (1967) là

A. Cam-pu-chia .B. Việt Nam. C. Thái Lan. D. Bru-nây.

Câu 13. Ba nước ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập vào năm 1945 là

A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

B. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

D. Xing-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.

Câu 14. Một trong những mục tiêu của tổ chức ASEAN khi thành lập là

A. phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung.

B. tăng cường quan hệ hợp tác mọi mặt nhằm phát triển kinh tế - xã hội.

C. để cùng cố quan hệ chính trị, giúp đỡ Đông Dương giành lại độc lập.

D. để giải quyết vấn đề xung đột Campuchia và tranh chấp ở Biển Đông.

Câu 15. Tổ chức hợp tác nào mang tính khu vực trên thế giới đã cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết lại với nhau?

A. Diễn đàn hợp tác kinh tế Á - Âu.

B. Diễn đàn kinh tế Thái Bình Dương.

C. Cộng đồng các quốc gia độc lập,

D. Cộng đồng kinh tế Châu Âu.

Câu 16. Một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN là

A. hợp tác để cùng nhau phát triển.

B. thành lập một liên minh quân sự.

C. tiến tới thành lập nước Liên bang.

D. tổ chức lại trật tự khu vực châu Á.

Câu 17. Cơ hội lớn nhất khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN (1997) là

A. khai thác vốn đầu tư, khoa học - công nghệ.

 B. giao lưu, học hỏi về văn hóa, giáo dục, y tế.

C. tiếp thu những kinh nghiệm quản lý sản xuất.

D. được mở rộng thị trường trao đổi hàng hóa.

Câu 18. Thách thức lớn nhất về mặt kinh tế khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN là

A. chịu sự cạnh tranh quyết liệt

B. tụt hậu về kinh tế, công nghệ.

C. sử dụng nguồn vốn bất hợp lý.

D. điểm xuất phát thấp về kinh tế.

Câu 19. Từ sự phát triển kinh tế của Xin-ga-po ở những thập kỷ cuối thế kỷ XX, Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay?

A. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế. B. Chú trọng phát triển ngành công nghệ phần mềm.

C. Áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại. D. Coi trọng khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 20. Đâu là nhận xét đúng về vai trò của tổ chức ASEAN trên trường quốc tế?

A. Liên minh chính trị - kinh tế chiến lược của khu vực Đông Nam Á.

B. Diễn đàn hợp tác kinh tế đa phương ở châu Á - Thái Bình Dương.

C. Liên minh hợp tác toàn diện, hiệu quả của khu vực Đông Nam Á.

D. Tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính lớn nhất của châu Á.

**BÀI 5: CỘNG ĐỒNG ASEAN TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC**

**TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

Câu 1. Ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN xuất hiện từ

A. ASEAN mới thành lập (1967).

B. khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

C. khủng hoảng năng lượng (1973).

D. khủng hoảng tài chính (1997).

Câu 2. Cộng đồng ASEAN chính thức được xây dựng từ

A. hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức (1997).

B. hội nghị thường niên Ngoại trưởng ASEAN (2000).

C. đại hội đại biểu toàn bộ các nước thành viên (1998).

D. cuộc họp bất thường xem xét vấn đề Myanmar (1999).

Câu 3. Một trong những văn kiện được các nước ASEAN thông qua nhằm định hướng cho sự phát triển trong tương lai của tổ chức là

A. tuyên bố Băng cốc (1967)

B. tầm nhìn ASEAN 2020 (1997)

C. hiến chương ASEAN (2007).

D. hiệp ước Ba-li (1976).

Câu 4. Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN là

A. biến ASEAN thành tổ chức hợp tác mạnh nhất.

B. các nước đoàn kết giúp đỡ nhau khi bị xâm lược.

C. củng cố khối đoàn kết của ASEAN trên vẫn để quân sự.

D. đưa ASEAN trở thành một cộng đồng ràng buộc hơn.

Câu 5. Đâu là cơ sở pháp lý để các nước Đông Nam Á xây dựng Cộng đồng ASEAN?

A. Hiến chương ASEAN.

B. Tuyên bố Băng - cốc.

C. Hiến chương Liên hợp quốc.

D. hiệp ước Ba-li 1976.

Câu 6. Một trong những văn kiện đã nêu rõ kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN là

A. kế hoạch tổng thể xây dựng cộng đồng ASEAN.

B. tuyên bố chung Cua-la Lâm-pơ (tại Malaxia).

C. lộ trình xây dựng cộng đồng ASEAN (2009-2015).

D. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội.

Câu 7. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN được thông qua tại

A. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 (2020)

B. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 14 (2009).

C. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 (2004)

D. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 11 (2005)

Câu 8. Ngày 22-11-2015, tuyên bố Cua-la Lăm-pơ được ký kết đã đánh dấu

A. Cộng đồng ASEAN được thành lập.

B. khu vực Đông Nam Á giành độc lập.

C. sự phát triển nhảy vọt của ASEAN.

D. ASEAN hoàn thành mở rộng thành viên.

Câu 9. Đâu không phải là một trong những trụ cột của Cộng đồng ASEAN?

A. Cộng đồng Chính trị - An ninh.

B. Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.

C. Cộng đồng An ninh - Quốc phòng.

D. Cộng đồng Kinh tế.

Câu 10. Hợp tác kinh tế giữa các nước ASEAN tăng lên nhanh chóng từ khi

A. Cộng đồng kinh tế ASEAN được thành lập.

B. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 (2004)

C. Tuyên bố chung Cua-la Lăm-pơ (tại Malaxia).

D. Hội nghị cấp cao của ba nước Đông Dương.

Câu 11. Một trong những thách thức mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt trong quá trình xây dựng và phát triển là

A. sự đa dạng về chế độ chính trị.

B. gặp những khó khăn về địa lý.

C. một số quốc gia không có biển.

D. khí hậu ngày càng khắc nghiệt.

Câu 12. Một trong những thách thức về kinh tế mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt trong quá trình xây dựng và phát triển là

A. sự đa dạng về chế độ chính trị.

B. sự xung đột lãnh thổ, biên giới.

C. chênh lệch trình độ phát triển.

D. những vấn đề lịch sử sâu xa.

Câu 13. Văn bản đầu tiên đưa ra ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử là

A. Tầm nhìn ASEAN 2025.

B. Tầm nhìn ASEAN 2020.

C. Hiến chương ASEAN.

D. Hiệp ước Ba-li (1976).

Câu 14. Nội dung nào sau đây là mục tiêu hướng tới của các nước Đông Nam Á khi xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN?

A. thu hẹp khoảng cách giữa các nước ASEAN về dân trí.

B. xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị giữa các nước ASEAN.

C. xây dựng một ASEAN giàu có, không có vũ khí hạt nhân.

D. đưa ASEAN trở thành tổ chức liên kết lớn nhất thế giới.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là những việc mà Cộng đồng ASEAN cần thực hiện để đạt được những mục tiêu đề ra?

A. Xóa bỏ đi những hiềm khích, cân bằng lợi ích giữa các thành viên.

B. Quá trình liên kết cần sâu rộng hơn nữa nhất là an ninh và quân sự.

C. Xây dựng khối thị trường chung miễn thuế, không rào cản bảo hộ.

D. Miễn thị thực nhập cảnh cho tất cả công dân Cộng đồng ASEAN.

**Chủ đề 3: Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay)**

**BÀI 6: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945**

**PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

Câu 1. Một trong những địa phương giành được chính quyền sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Thanh Hóa. | B. Quảng Nam. | C. Hưng Yên. | D. Cao Bằng. |

Câu 2. Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thông qua quyết định nào dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.B. Đã phát động cao trào kháng Nhật. | C. Phát lệnh Tổng khởi nghĩa cả nước.D. Thống nhất lực lượng vũ Việt Nam. |

Câu 3. Nội dung nào sau đây là điều kiện khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám nổ ra?

A. Chiến tranh thế giới thứ hai đã bùng nổ.

B. phát xít Đức đầu hàng quân Đồng mình.

C. Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản.

D. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 4. Thời cơ khách quan thuận lợi của Cách mạng tháng Tám là sự kiện nào sau đây?

A. Nhật đảo chính lật đổ Pháp trên toàn Đông Dương (9/3/1945).

B. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật (6, 9/8/1945).

C. Đức đã đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện (9/5/1945).

D. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng mình vô điều kiện (15/8/1945).

Câu 5. Sự kiện nào sau đây đánh dấu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập

A. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945).

B. Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào (8/1945).

C. Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng (8/1945)

D. Tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1/1946).

Câu 6. Tổ chức cách mạng nào sau đây đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đảng Cộng sản Đông Dương.B. Đảng Cộng sản Việt Nam. | C. Đảng Lao động Việt Nam.D. Việt Nam Quốc dân  |

Câu 7. Hình thức đấu tranh nào sau đây không được tiến hành trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945)?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Quân sự. | B. Chính trị. | C. Binh vận. | D. Nghị trường. |

Câu 8. Cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám (1945) là

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phong trào Đông Du.B. Phong trào Cần Vương. | C. Phong trào 1930-1931.D. Phong trào 1936-1939. |

Câu 9. Hành động thể hiện sự nhạy bén, kịp thời của Đảng Cộng sản Đông Dương trước những chuyến biển của tỉnh hình thế giới vào đầu tháng 8/1945 là

A. thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.

B. triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng Tân Trào.

C. đã gấp rút thành lập 19 ban xung phong Nam tiến.

D. lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, ra quân lệnh số 1.

Câu 10. Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa

A. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền được thắng lợi trong cả nước.

B. ảnh hưởng lớn và quyết định đến các địa phương trong cả nước.

C. đó là các cuộc khởi nghĩa hình mẫu trong Cách mạng tháng Tám.

D. đánh dấu Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi hoàn toàn.

Câu 11. Thời cơ của Tổng khởi nghĩa tháng Tám được xác định trong khoảng thời gian từ khi

A. Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

B. Mỹ tuyên chiến với Nhật đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

C. Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

D. Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

Câu 12. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu chế độ phong kiến ở Việt Nam đã sụp đổ hoàn toàn?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Giành được chính quyền ở Hà Nội.B. Vua Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị. | C. Khởi nghĩa thắng lợi trong cả nước.D. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập. |

Câu 13. Lực lượng nào sau đây đóng vai trò quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945)?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Vũ trang | B. Chính trị. | C. Tri thức. | D. Nông dân. |

Câu 14. Nội dung nào sau đây là bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo Tổng khởi giành chính quyền năm 1945 của Đảng Cộng sản Đông Dương?

A. Phải xây dựng được khối liên minh công - nông, xây dựng đoàn kết quốc tế.

B. Tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai và hợp pháp, nửa hợp pháp.

C. Phải chú ý xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh để quyết định chiến trường.

D. Khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền từng bộ phận, chớp thời cơ khởi nghĩa.

Câu 15. Một trong những bài học được rút ra từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay là

A. tận dụng, phát huy truyền thống đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

B. kết hợp xây dựng lực lượng vũ trang với sức mạnh của lực lượng quốc tế.

C. cần dự đoán chính xác và nhanh chóng nắm bắt thời cơ để giành thắng lợi.

D. linh hoạt, quyết đoán trong việc kết hợp các hình thức đấu tranh ngoại giao.

**PHẦN II TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI**

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Mới từ 12 giờ trưa, những nẻo đường dẫn vào vườn hoa Ba Đình, nơi được chọn để cử hành lễ ngày độc lập đã thấy cuồn cuộn những dòng người chảy đến. Đủ mặt các giới, các đoàn thể... Tất cả, hôm đó, đều không còn giữ sự phân biệt của mọi ngày thường về đẳng cấp, về tín ngưỡng, về nam nữ, về thế hệ... Đến đây, ai cũng chỉ còn là một người dân Việt Nam giữa những người dân Việt Nam khác đi đón nhận lời tuyên bố chính thức về nền độc lập của nước nhà...".

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối trí thức với cuộc sống, trang 34.)

a. Tư liệu trên nói về sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập năm 1945.

b.. Sự kiện trên diễn ra khi CMT8 đã thành công trên phạm vi cả nước.

c. Sự kiện trên đã phân biệt về đẳng cấp, tín ngưỡng, giới tính và thế hệ của dân chúng

d. CHXHCN Việt Nam được thành lập ngay sau sự kiện trên.

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Trong Cách mạng tháng Tám, trước áp lực và hoạt động khôn khéo của lực lượng cách mạng, quân Nhật ở Hà Nội và các địa phương phải án binh bất động, không can thiệp vào tiến trình khởi nghĩa. Nhờ đó, khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu.

Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên Ngôn Độc lập, tuyên bố với toàn thể nhân dân và thế giới sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa."

(SGK-KNTT Lịch sử 12, tr33.)

a. CMT8 có diễn tiến tương đối hòa bình, diễn ra nhanh chóng, ít đổ máu.

b. Sau CM, quân Nhật án binh bất động, không can thiệp vào tiến trình khởi nghĩa

c. Sự kiện đọc Tuyên ngôn Độc lập đã khẳng định sự thành công hoàn toàn của CM.

d. Trong CMT8, sự chuẩn bị lâu dài và chu đáo quyết định đến thành công

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Tại Hà Nội, ngày 19/8/1945, quần chúng cách mạng có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu lần lượt chiếm Phủ Khâm sai. Sở Cảnh sát Trung ương, Sở Bưu điện... Đến tối. cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Tại Huế, ngày 23, 8 hàng vạn nhân dân biểu tỉnh thị uy chiếm các công sở giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 25 - 8, sau khi chiếm được các cơ quan đầu não của chính quyền cũ như: Sở Mặt thảm, Sở Cảnh sát nhân dân Sài Gòn và các vùng phụ cận đã tham gia cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức, chính quyền cách mạng ra mắt nhân dân. Khởi nghĩa ở Sài Gòn giành thắng lợi."

(SGK-KNTT Lịch sử 11, tr 33.)

a. Đến ngày 25/8/1945, Cách mạng tháng Tám thắng lợi trên phạm vi toàn quốc.

b. Tư liệu trên khẳng định nhân dân là lực lượng quyết định thắng lợi cách mạng. quần chúng.

c. Trong Cách mạng tháng Tám, lực lượng vũ trang giữ vai trò hỗ trợ

d. Thắng lợi ở Huế (23/8/1945) đã chấm dứt hoàn toàn chế độ quân chủ Việt Nam.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Đến ngày 15 - 8 - 1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện Ngay sau khi Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng mình, quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang. Điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa đã đến.

Trước đó, từ tháng 3 đến tháng 8/1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước đã diễn ra trong cả nước, góp phần chuẩn bị lực lượng, tập dượt cho quần chúng đấu tranh, sẵn sàng tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến."

(SGK-KNTT Lịch sử 12,tr32)

a. Tư liệu để cập đến điều kiện thuận lợi mọi mặt cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

b. Điều kiện chủ quan giữ vai trò quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

c. Trong cao trào kháng Nhật, thời cơ cho tổng khởi nghĩa xuất hiện và chín muỗi.

d. Khi Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh, tỉnh thể cách mạng đã xuất hiện.

**BÀI 7: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)**

 **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Một trong những nội dung của tình hình thế giới khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) của nhân dân Việt Nam nổ ra là

A. hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.

B. cách mạng Cuba đã giành được thắng lợi.

C. xu thế hòa hoãn Đông - Tây đã xuất hiện.

D. chiến lược toàn cầu của Mỹ đang thất bại.

Câu 2. Một trong những nội dung của tình hình Việt Nam khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) nổ ra là

A. nhân dân đã giành quyền làm chủ đất nước.

B. nạn đói chưa được đẩy lùi gây khó khăn lớn.

C. phải đối phó với cả Tường, Anh, Mỹ, Pháp.

D. Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Câu 3. Một trong những khó khăn thử thách mà cách mạng Việt Nam phải đương đầu sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

A. các nước để quốc bao vây, cấm vận kinh tế.

B. những hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại

C. quân đội các nước Đồng mình lũ lượt kéo vào.

D. quân Tường hỗ trợ cho Pháp đánh Nam Bộ.

Câu 4. Để mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai, Pháp đã tấn công

A. trụ sở Ủy ban hành chính Nam Bộ.

B. cơ quan Trung ương cục miền Nam

C. căn cứ Củ Chi và địa đạo Vịnh Mốc.

D. cửa biển Thuận An và kinh đô Huế

Câu 5. Một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

|  |  |
| --- | --- |
| A. đoàn kết kháng chiến.B. vườn không nhà trống. | C. toàn dân kháng chiến.D. đánh nhanh thắng nhanh. |

Câu 6. Một trong những mục tiêu của Việt Nam khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là

|  |  |
| --- | --- |
| A. tiêu diệt sinh lực địch.B. kết thúc chiến tranh. | C. mở rộng căn cứ địa.D. liên lạc với bên ngoài. |

Câu 7. Sau Đại hội đại biểu lần thứ II (2-1951), Đảng Cộng sản Đông Dương có tên gọi là

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đảng Lao động Việt Nam.B. Việt Nam quốc dân đảng | C. An Nam Cộng sản đảng.D. Đông Dương Cộng sản đảng. |

Câu 8. Một trong những nguyên nhân bùng nổ của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (12-1946) là do

A. Pháp bội ước, buộc Việt Nam đầu hàng

B. nhân dân Việt Nam quyết tâm chiến đấu.

C. Việt Nam có được giúp đỡ của Liên Xô.

D. Pháp không chấp nhận ký hiệp định mới.

Câu 9. Pháp đề ra kế hoạch Nava (1953) với mục đích chính là

A. kết thúc chiến tranh trong danh dự.

B. đưa được tủ bình Pháp trở về nước.

C. tiêu diệt hoàn toàn bộ đội Việt Nam.

D. thành lập Liên bang Đông Dương.

Câu 10. Một trong những mục đích của Pháp khi đưa quân tấn công lên Việt Bắc (1947) là

A. kết thúc chiến tranh trong danh dự

B. đưa được tù bình Pháp trở về nước.

C. tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến.

D. thành lập Liên bang Đông Dương

Câu 11. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 là

|  |  |
| --- | --- |
| A. kháng chiến và kiến quốc.B. kháng chiến và lao động. | C. chiến đấu và sản xuất.D. kháng chiến và cải cách. |

Câu 12. Một trong những điểm chung của kế hoạch Rơ ve (1949), kế hoạch Đờ Lát Đờ Tatxinhi (1950) và kế hoạch Nava (1953) là

|  |  |
| --- | --- |
| A. khóa chặt biên giới Việt - Trung.B. kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược. | C. thành lập chính phủ tay sai bù nhìn.D. giành thế chủ động trên chiến trường. |

Câu 13. Đâu là bài học kinh nghiệm trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) được tiếp tục vận dụng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)

A. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

B. Kiên trì nguyên tắc “Dĩ bất biến ứng vạn biến",

C. Thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ chiến lược.

D. Tham gia khối liên minh quân sự của Liên Xô.

Câu 14. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được rút ra từ cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay?

A. Phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân

B. Xây dựng nhiều tập đoàn quân chiến đấu.

C. Thực hiện cùng lúc bổn nhiệm vụ chiến lược.

D. Tham gia khỏi liên minh quân sự của Liên Xô

**B. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN ( 3.0 điểm)**

1. Hành trình phát triển của ASEAN?

2. Ba trụ cột của cộng đồng ASEAN?

3. Những thách thức, triển vọng của cộng đồng ASEAN? Liên hệ Việt Nam.

4. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

5. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ( 1945- 1954)?

**HẾT!**